

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 35
8. Phụ lục 01	36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước là Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng theo Quyết định số 1504/QĐ.UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại : 0299 3 820 943
- Fax : 0299 3 821 278

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần cấp nước Sóc Trăng – Xí nghiệp sản xuất nước đóng chai Sotraco	Đường Đ4. KCN An Nghiệp, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp sửa chữa	Đường Đ4. KCN An Nghiệp, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp nước Trần Đề	Áp Giồng Giữa, thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Ngã Năm	Đường Mai Thanh Thế, thị trấn Ngã Năm, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Long Phú	Áp 3, thị trấn Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Vĩnh Châu	Đường 30/4, phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Đại Ngãi	908 ấp Ngãi Hội 1, thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Mỹ Xuyên	141 Lê Lợi, thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Kế Sách	Đường Phạm Văn Hùng, ấp An Thành, thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Phú Lợi	180 Phú Lợi, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Nguyễn Chí Thanh	16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Mỹ Tú	Áp Cầu Đồn, thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng
Xí nghiệp cấp nước Thạnh Trị	Đường Nguyễn Huệ, ấp 3, thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sản xuất nước uống đóng chai.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017
Ông Đặng Văn Ngọ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017
Ông Trần Anh Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Quang Mãi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017
Ông Võ Thanh Văn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Tiến Bộ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017
Ông Đỗ Chí Công	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Gỡ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đặng Văn Ngọ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 12 năm 2017
Ông Nguyễn Quang Mãi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2018
Ông Ong Hải Phước	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2018
Ông Trần Anh Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2017
Ông Đặng Văn Ngọ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 12 năm 2017

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, *dm*



Đặng Văn Ngộ
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Số: 4.0066/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong đó mô tả việc Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng giảm thời gian khấu hao một số tài sản cố định để phù hợp với tuổi thọ thực tế của tài sản. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao năm nay tăng 4.423.327.047 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 vào ngày 05 tháng 3 năm 2020 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh – Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2018-008-1

Nguyễn Thị Bé Ghí – Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2646-2018-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 12 tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		60.294.889.500	26.094.870.393
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40.263.424.054	2.211.611.938
1. Tiền	111		10.263.424.054	2.211.611.938
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.627.406.828	12.230.136.398
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	7.854.861.042	6.458.790.970
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.506.328.403	5.301.029.253
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	402.538.021	578.004.849
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(136.320.638)	(107.688.674)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		7.990.455.511	7.664.795.626
1. Hàng tồn kho	141	V.7	7.990.455.511	7.664.795.626
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		413.603.107	3.988.326.431
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		395.212.198	3.953.772.636
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		18.390.909	34.553.795
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		174.225.985.057	215.659.201.527
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		159.343.196.772	195.174.919.955
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	159.343.196.772	195.174.919.955
- Nguyên giá	222		478.218.511.284	470.640.896.791
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(318.875.314.512)	(275.465.976.836)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		129.352.919	296.912.447
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	129.352.919	296.912.447
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.064.000.000	12.064.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	12.064.000.000	12.064.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.689.435.366	8.123.369.125
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2.689.435.366	8.123.369.125
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		234.520.874.557	241.754.071.920

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		93.367.503.564	111.008.094.801
I. Nợ ngắn hạn	310		86.625.013.157	89.313.831.759
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	13.742.241.965	27.985.050.307
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	547.273.642	566.949.126
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.651.669.690	3.303.817.548
4. Phải trả người lao động	314	V.14	12.127.232.787	7.624.395.090
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	93.297.862	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	11.657.467.615	19.492.158.100
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	46.805.450.922	30.117.594.718
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	378.674	223.866.870
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.742.490.407	21.694.263.042
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	705.689.370	524.971.895
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	6.036.801.037	21.169.291.147
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		141.153.370.993	130.745.977.119
I. Vốn chủ sở hữu	410		141.153.370.993	130.745.977.119
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	158.631.330.000	158.631.330.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		158.631.330.000	158.631.330.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	(17.477.959.007)	(27.885.352.881)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(27.885.352.881)	(21.324.390.229)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		10.407.393.874	(6.560.962.652)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		234.520.874.557	241.754.071.920

TP. Sóc Trăng, ngày 08 tháng 3 năm 2021


Võ Thị Phương Diệu
 Người lập


Võ Thị Phương Diệu
 Kế toán trưởng


Đặng Văn Ngộ
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	188.790.437.128	152.331.287.468
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		188.790.437.128	152.331.287.468
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	114.487.921.875	105.514.677.230
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.302.515.253	46.816.610.238
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	479.777.389	3.902.575
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.203.193.445	6.844.109.812
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.203.193.445	6.844.109.812
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	34.279.195.036	25.416.340.220
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	22.926.117.290	21.128.557.883
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.373.786.871	(6.568.495.102)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	296.127.450	283.526.631
12. Chi phí khác	32	VI.8	262.520.447	275.994.181
13. Lợi nhuận khác	40		33.607.003	7.532.450
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.407.393.874	(6.560.962.652)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.407.393.874	(6.560.962.652)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	656	(414)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	656	(414)

Võ Thị Phương Diệu
Người lập

Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng



Sóc Trăng, ngày 08 tháng 3 năm 2021

Đặng Văn Ngo
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		218.467.780.726	180.675.037.365
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(85.035.083.354)	(64.366.080.218)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(38.314.599.143)	(33.838.938.987)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	V.15,VI.4	(7.109.895.583)	(6.844.109.812)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.115.622.302	4.936.750.422
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(48.427.885.604)	(32.477.116.992)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.695.939.344	48.085.541.778
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9,V.10	(7.410.054.965)	(21.132.557.477)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	210.561.643	3.902.575
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.199.493.322)	(21.128.654.902)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16a,b	44.136.145.171	5.946.204.830
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16a	(42.580.779.077)	(31.787.150.848)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u><i>1.555.366.094</i></u>	<u><i>(25.840.946.018)</i></u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		38.051.812.116	1.115.940.858
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.211.611.938	1.095.671.080
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>40.263.424.054</u>	<u>2.211.611.938</u>

TP. Sóc Trăng, ngày 08 tháng 3 năm 2021

Võ Thị Phương Diệu
Người lập

Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng



Đặng Văn Ngộ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Sản xuất nước uống đóng chai.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần nước Sóc Trăng có trụ sở chính tại đường D4, khu công nghiệp An Nghiệp, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là khai thác, xử lý và cung cấp nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần cấp nước Sóc Trăng – Xí nghiệp sản xuất nước đóng chai Sotraco tại địa chỉ đường Đ4, khu công nghiệp An Nghiệp, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 299 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 281 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí lắp đặt, bảo dưỡng và lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí lắp đặt và bảo dưỡng

Chi phí lắp đặt và bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 07	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06	04 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 05	03 - 05

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.217.253.000	1.544.281.786
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.046.171.054	667.330.152
Các khoản tương đương tiền - <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>	30.000.000.000	-
Cộng	<u>40.263.424.054</u>	<u>2.211.611.938</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần nước Sóc Trăng ⁽ⁱ⁾	12.064.000.000	-	12.064.000.000	-
Cộng	12.064.000.000	-	12.064.000.000	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200680885 ngày 28 tháng 10 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần nước Sóc Trăng 12.064.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ 12.064.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ (số đầu năm là 12.064.000.000 VND, tương đương 29% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần nước Sóc Trăng là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua nước sạch	13.264.826.547	14.579.157.898
Mua điện	112.683.216	82.878.460
Mua nguyên vật liệu	77.510.000	6.600.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	560.000	-
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	560.000	-
Phải thu các khách hàng khác	7.854.301.042	6.458.790.970
Phải thu khách hàng tiền nước sạch (*)	7.060.514.253	5.992.282.997
Phải thu khách hàng tiền lắp đặt	654.048.789	348.105.973
Phải thu khách hàng tiền nước đóng chai	139.738.000	118.402.000
Cộng	7.854.861.042	6.458.790.970

- (*) Khoản phải thu tiền nước sạch tại ngày kết thúc năm tài chính với số tiền 7.060.514.253 VND đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay của các cá nhân.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty Cổ phần Sameco	-	1.977.735.100
Công ty Cổ phần Năng lượng Vancouver	2.893.061.000	2.893.061.000
Công ty TNHH MTV Khai thác nước ngầm Hoàng Khang	481.046.250	324.000.000
Các nhà cung cấp khác	132.221.153	106.233.153
Cộng	<u>3.506.328.403</u>	<u>5.301.029.253</u>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Tạm ứng	-	-	206.330.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	105.000.000	-	157.523.100	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	297.538.021	-	214.151.749	-
Cộng	<u>402.538.021</u>	<u>-</u>	<u>578.004.849</u>	<u>-</u>

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>	
		<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>		<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Công ty TNHH Kỹ thuật Mặt Trời Đỏ - Phải thu tiền bán hàng	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	81.363.800	55.013.860	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	9.704.000	6.792.800
Ban Quản lý Dự án khắc phục sạt lở bờ sông trên địa bàn huyện Kế Sách - Phải thu tiền bán hàng	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	8.463.000	4.231.500	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Sóc Trăng - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	102.572.474	-	Trên 3 năm	102.572.474	-
Công ty Điện lực Sóc Trăng - Điện lực Thạnh Trị	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	265.751	186.027	-	-	-
Ban Quản lý Dự án 2 tỉnh Sóc Trăng - Phải thu tiền bán hàng	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	4.410.000	1.323.000	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	4.410.000	2.205.000
Cộng		<u>197.075.025</u>	<u>60.754.387</u>		<u>116.686.474</u>	<u>8.997.800</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	107.688.674	78.784.477
Trích lập dự phòng bổ sung	92.459.267	140.921.803
Xử lý xóa nợ	(63.827.303)	(112.017.606)
Số cuối năm	<u>136.320.638</u>	<u>107.688.674</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	7.749.684.986	-	7.471.811.600	-
Công cụ, dụng cụ	128.469.333	-	146.908.499	-
Thành phẩm	112.301.192	-	46.075.527	-
Cộng	<u>7.990.455.511</u>	<u>-</u>	<u>7.664.795.626</u>	<u>-</u>

8. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lắp đặt	886.664.479	2.676.408.871
Chi phí bảo dưỡng	1.527.125.160	4.332.938.125
Chi phí sử dụng đất khi xác định giá trị doanh nghiệp	-	161.957.187
Lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp	-	857.651.517
Các chi phí trả trước dài hạn khác	275.645.727	94.413.425
Cộng	<u>2.689.435.366</u>	<u>8.123.369.125</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng giảm tài sản cố định trong kỳ xem tại phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 73.615.939.361 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	296.912.447	7.255.887.061	(7.545.614.493)	7.185.015
- Công trình hệ thống cấp nước khu tái định cư Khu công nghiệp Trần Đề (giai đoạn 1)	296.912.447	-	(296.912.447)	-
- Công trình Giếng khoan khai thác N7 - Khu công nghiệp An Nghiệp	-	504.545.455	(504.545.455)	-
- Công trình Giếng khoan khai thác N6 - Khu công nghiệp An Nghiệp	-	549.995.455	(549.995.455)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
- Công trình Giếng khoan G5, Q=80m3/h - Nhà máy nước Mỹ Xuyên 3	-	584.250.000	(584.250.000)	-
- Các công trình khác	-	5.617.096.151	(5.609.911.136)	7.185.015
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	122.167.904	-	122.167.904
Cộng	296.912.447	7.378.054.965	(7.545.614.493)	129.352.919

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	2.537.511.518	12.593.446.928
Công ty Cổ phần nước Sóc Trăng	2.537.511.518	10.838.380.428
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	-	1.755.066.500
Phải trả các nhà cung cấp khác	11.204.730.447	15.391.603.379
Công ty TNHH Hoá nhựa Đệ Nhất	71.480.200	3.325.119.965
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	4.380.089.559	1.809.589.569
Các nhà cung cấp khác	6.753.160.688	10.256.893.845
Cộng	13.742.241.965	27.985.050.307

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Sáng Quang	79.091.520	231.243.208
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hồng Phát	56.845.000	56.845.000
Công ty TNHH Xây dựng Minh Châu	330.000.000	-
Các khách hàng khác	81.337.122	278.860.918
Cộng	547.273.642	566.949.126

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	51.200.033	16.162.886	399.731.710	(388.202.865)	46.565.992	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	18.390.909	-	-	-	18.390.909
Thuế thu nhập cá nhân	170.912.021	-	382.623.655	(392.247.655)	161.288.021	-
Thuế tài nguyên	1.810.371.880	-	9.050.491.404	(10.105.944.258)	754.919.026	-
Phí bảo vệ	1.271.333.614	-	8.259.680.319	(8.842.117.282)	688.896.651	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
môi trường						
Các loại thuế khác	-	-	34.908.500	(34.908.500)	-	-
Cộng	3.303.817.548	34.553.795	18.127.435.588	(19.763.420.560)	1.651.669.690	18.390.909

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Nước sinh hoạt	5%
Dịch vụ lắp đặt, bán nước đóng chai và các dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.407.393.874	(6.560.962.652)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.019.307.655	603.185.181
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	11.426.701.529	(5.957.777.471)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	(11.426.701.529)	-
Thu nhập tính thuế	-	(5.957.777.471)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước ngầm và nước mặt dựa vào sản lượng nước khai thác hàng tháng với mức thuế suất lần lượt là 5% và 1%.

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	9.712.919.259	7.624.395.090
Quỹ dự phòng tiền lương	2.414.313.528	-
Cộng	<u>12.127.232.787</u>	<u>7.624.395.090</u>

15. Chi phí phải trả

Là chi phí lãi vay còn phải trả.

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	2.275.649	-
Bảo hiểm xã hội	-	47.380.206
Phí bảo vệ môi trường giữ lại	3.749.845.714	2.600.057.547
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Sóc Trăng - Thu hộ phí bảo vệ môi trường	-	6.242.554.093
Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng - Thu hộ phí bảo vệ môi trường	5.978.925.325	8.649.119.936
Tiền viện trợ từ dự án biến đổi khí hậu của Công ty Cổ phần Hà Lan	1.868.640.230	1.868.640.230
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	57.780.697	84.406.088
Cộng	<u>11.657.467.615</u>	<u>19.492.158.100</u>

16b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay

17a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<u>26.130.000.000</u>	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	26.130.000.000	-
Vay Ông Nguyễn Quang Mãi (*)	25.930.000.000	-
Vay Bà Nguyễn Ngọc Mỹ Hồng (*)	100.000.000	-
Vay Ông Ong Hải Nguyên (*)	100.000.000	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>20.675.450.922</u>	<u>30.117.594.718</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	4.802.732.219
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng	-	1.804.664.770
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Sóc Trăng	-	2.998.067.449

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNGĐịa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	26.130.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	26.130.000.000	-
Vay Ông Nguyễn Quang Mãi (*)	25.930.000.000	-
Vay Bà Nguyễn Ngọc Mỹ Hồng (*)	100.000.000	-
Vay Ông Ong Hải Nguyên (*)	100.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	20.675.450.922	25.314.862.499
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	16.805.450.922	25.314.862.499
Vay dài hạn cá nhân đến hạn trả	3.870.000.000	-
Cộng	46.805.450.922	30.117.594.718

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (*) Khoản vay của các cá nhân và người lao động trong Công ty để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 14%/năm, thời hạn vay 13 tháng. Lãi tính vào ngày 27 hàng tháng. Số tiền vay được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền phải thu tiền nước của khách hàng (xem thuyết minh số V.3).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ vay dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	4.802.732.219	14.136.145.171	-	(18.938.877.390)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	25.314.862.499	-	45.132.490.110	(23.641.901.687)	46.805.450.922
Cộng	30.117.594.718	14.136.145.171	45.132.490.110	(42.580.779.077)	46.805.450.922

17b. Vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Vay dài hạn ngân hàng	6.036.801.037	21.169.291.147
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng ⁽ⁱ⁾	236.249.197	2.405.249.197
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng ⁽ⁱⁱ⁾	2.420.244.915	9.929.735.025
Vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Sóc Trăng ⁽ⁱⁱⁱ⁾	3.380.306.925	8.834.306.925
Cộng	6.036.801.037	21.169.291.147

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng để xây dựng công trình hệ thống cấp nước với lãi suất 11,2%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng một lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng để xây dựng công trình hệ thống cấp nước với lãi suất 10,5%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả 3 tháng một lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Sóc Trăng để xây dựng công trình hệ thống cấp nước với lãi suất 14,2%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả 01 tháng một lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.9).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	22.842.251.959	16.805.450.922	6.036.801.037	-
Vay dài hạn các cá nhân	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Cộng	52.842.251.959	46.805.450.922	6.036.801.037	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	46.484.153.646	25.314.862.499	21.169.291.147	-
Cộng	46.484.153.646	25.314.862.499	21.169.291.147	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay ngắn hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	21.169.291.147	-	(15.132.490.110)	6.036.801.037
Vay dài hạn các cá nhân	-	30.000.000.000	(30.000.000.000)	-
Cộng	21.169.291.147	30.000.000.000	(45.132.490.110)	6.036.801.037

17c. Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng/Giảm khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	81.792.848	17.567.152	(99.360.000)	-
Quỹ phúc lợi	64.879.975	35.186.399	(99.687.700)	378.674
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	77.194.047	(52.753.551)	(24.440.496)	-
Cộng	223.866.870	-	(223.488.196)	378.674

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	158.631.330.000	(21.324.390.229)	137.306.939.771
Lợi nhuận trong năm trước	-	(6.560.962.652)	(6.560.962.652)
Số dư cuối năm trước	158.631.330.000	(27.885.352.881)	130.745.977.119
Số dư đầu năm nay	158.631.330.000	(27.885.352.881)	130.745.977.119
Lợi nhuận trong năm nay	-	10.407.393.874	10.407.393.874
Số dư cuối năm nay	158.631.330.000	(17.477.959.007)	141.153.370.993

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	77.729.350.000	77.729.350.000
Công ty Cổ phần Hawaco	63.452.530.000	63.452.530.000
Các cổ đông khác	17.449.450.000	17.449.450.000
Cộng	158.631.330.000	158.631.330.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	77.729.350.000	49,0	77.729.350.000	-
Công ty Cổ phần Hawaco	63.452.530.000	40,0	63.452.530.000	-
Các cổ đông khác	17.449.450.000	11,0	17.449.450.000	-
Cộng	158.631.330.000	100	158.631.330.000	-

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.863.133	15.863.133
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.863.133	15.863.133
- Cổ phiếu phổ thông	15.863.133	15.863.133
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.863.133	15.863.133
- Cổ phiếu phổ thông	15.863.133	15.863.133
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán***Nợ khó đòi đã xử lý*

	Số cuối năm		Số đầu năm		Nguyên nhân xóa sổ
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Phải thu khách hàng	-	312.088.053	-	248.260.750	Không có khả năng thu hồi
Cộng	-	312.088.053	-	248.260.750	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu tiền nước	179.952.082.380	145.486.409.428
Doanh thu lắp đặt	4.804.708.037	3.593.524.501
Doanh thu nước đóng chai	3.600.978.614	3.247.008.635
Doanh thu khác	22.375.958	4.344.904
Doanh thu phí bảo vệ môi trường	410.292.139	
Cộng	188.790.437.128	152.331.287.468

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là Công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng</i>		
Bán nước đóng chai	6.872.723	2.481.817
<i>Công ty Cổ phần nước Sóc Trăng</i>		
Doanh thu lắp đặt	146.433.011	-
Bán nước đóng chai	432.727	1.150.908

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn nước sinh hoạt	109.262.334.417	101.749.479.540
Giá vốn lắp đặt – bảo dưỡng	2.579.088.655	2.793.748.715
Giá vốn nước đóng chai	2.646.498.803	971.448.975
Cộng	114.487.921.875	105.514.677.230

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	210.561.643	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	269.215.746	3.902.575
Cộng	479.777.389	3.902.575

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng	4.767.154.536	6.844.109.812
Chi phí lãi vay cá nhân	2.436.038.909	-
Cộng	7.203.193.445	6.844.109.812

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.801.598.043	8.803.304.079
Chi phí vật liệu, bao bì	20.263.868.492	11.999.347.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.216.928	80.551.719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	473.743.850	528.266.355
Các chi phí khác	1.710.767.723	4.004.870.731
Cộng	34.279.195.036	25.416.340.220

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	15.071.589.887	13.688.236.790
Chi phí vật liệu quản lý	1.235.295.349	1.278.816.716
Chi phí đồ dùng văn phòng	333.281.535	259.766.685
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.689.820.521	2.967.066.533
Thuế, phí và lệ phí	130.120.315	35.512.076
Dự phòng phải thu khó đòi	92.459.267	140.921.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	342.371.649	226.405.038
Các chi phí khác	3.031.178.767	2.531.832.242
Cộng	22.926.117.290	21.128.557.883

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền công cúp, mở nước	141.651.387	130.989.096
Xử lý thừa khi kiểm kê	60.738.707	58.759.040
Các khoản thu nhập khác	93.737.356	93.778.495
Cộng	296.127.450	283.526.631

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền chậm nộp thuế	238.854.722	197.035.002
Tiền chậm nộp Bảo hiểm xã hội	4.665.725	48.959.179
Tiền phạt vi phạm quy định kiểm tra theo dõi chất lượng nước	19.000.000	30.000.000
Cộng	262.520.447	275.994.181

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.407.393.874	(6.560.962.652)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	10.407.393.874	(6.560.962.652)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	15.863.133	15.863.133
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	656	(414)

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.063.911.068	51.432.442.198
Chi phí nhân công	46.874.868.477	41.258.093.310
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.384.897.180	41.435.550.356
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.518.862.850	2.070.335.098
Chi phí khác	16.988.951.194	15.876.955.743
Cộng	171.831.490.769	152.073.376.705

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Vay tiền	25.930.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Cá nhân có liên quan với thành viên quản lý chủ chốt</i>		
Vay tiền	200.000.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.16a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay				
Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Chủ tịch Hội đồng quản trị	379.800.000	-	211.000.000	590.800.000
Ông Đặng Văn Ngộ - Tổng Giám đốc	376.500.000	-	185.500.000	562.000.000
Ông Trần Anh Hòa - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	315.600.000	-	203.500.000	519.100.000
Ông Nguyễn Quang Mãi - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	315.600.000	-	203.500.000	519.100.000
Ông Ong Hải Phước - Phó Tổng Giám đốc	316.600.000	-	-	316.600.000
Ông Võ Thanh Văn - nguyên Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	203.500.000	203.500.000
Ông Vũ Tiến Bộ - Trưởng Ban kiểm soát	-	-	241.000.000	241.000.000
Ông Nguyễn Văn Gỡ - nguyên Phó Trưởng Ban kiểm soát	63.000.000	-	109.000.000	172.000.000
Bà Liễu Thu Trúc - Phó Trưởng Ban kiểm soát	-	-	30.000.000	30.000.000
Ông Đỗ Chí Công - nguyên Thành viên Ban kiểm soát	84.000.000	-	133.000.000	217.000.000
Ông Phan Huy Quang- Trợ lý Hội đồng quản trị, Phó Trưởng phòng Kế toán	244.951.573	-	-	244.951.573
Ông Hà Văn Hải -Trợ lý Hội đồng quản trị	199.320.000	-	-	199.320.000
Cộng	2.295.371.573	-1.520.000.000	3.815.371.573	3.815.371.573

Năm trước

Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	582.027.240	582.027.240
Ông Đặng Văn Ngộ - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	472.500.000	-	195.041.043	667.541.043
Ông Trần Anh Hòa - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	396.900.000	-	195.041.043	591.941.043
Ông Nguyễn Quang Mãi - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc	396.900.000	-	195.041.043	591.941.043
Ông Ong Hải Phước - Phó Tổng Giám đốc	396.900.000	-	-	396.900.000
Ông Võ Thanh Văn - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	130.027.363	130.027.363
Ông Vũ Tiến Bộ - Trưởng Ban kiểm soát	-	-	291.068.776	291.068.776

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Ông Nguyễn Văn Gỡ - Phó Trưởng Ban kiểm soát	-	-	276.515.338	276.515.338
Ông Hoàng Văn Công - nguyên Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	65.013.681	65.013.681
Ông Đỗ Chí Công - Thành viên Ban kiểm soát	-	-	261.961.900	261.961.900
Cộng	1.663.200.000	-2.191.737.427	3.854.937.427	

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Hawaco	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	Công ty thành viên của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần nước Sóc Trăng	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với Công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2a cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam</i>		
Mua phụ tùng thay thế	2.878.322.800	5.584.136.200

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.11.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp nước sinh hoạt và bán nước đóng chai.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số IV.8). Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng việc áp dụng thời gian khấu hao mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty. Nếu thời gian khấu hao trước đây được tiếp tục sử dụng thì chi phí khấu hao năm nay sẽ giảm 4.423.327.047 VND.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Sóc Trăng, ngày 08 tháng 3 năm 2021



Võ Thị Phương Diệu
Người lập



Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng



Đặng Văn Ngộ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Địa chỉ: Số 16, Nguyễn Chí Thanh, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số đầu năm	105.713.589.276	72.940.743.510	289.606.408.697	1.697.931.047	682.224.261	470.640.896.791	
Mua trong năm	-	32.000.000	-	-	-	32.000.000	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.583.460.000	997.792.758	4.964.361.735	-	-	7.545.614.493	
Số cuối năm	107.297.049.276	73.970.536.268	294.570.770.432	1.697.931.047	682.224.261	478.218.511.284	
Trong đó:							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	33.576.583.815	55.164.720	770.000.000	1.009.794.683	682.224.261	36.093.767.479	
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	
Giá trị hao mòn							
Số đầu năm	76.247.801.853	31.643.690.544	165.606.735.791	1.285.524.387	682.224.261	275.465.976.836	
Khấu hao trong năm	9.949.243.312	8.573.891.170	24.664.834.539	221.368.655	-	43.409.337.676	
Số cuối năm	86.197.045.165	40.217.581.714	190.271.570.330	1.506.893.042	682.224.261	318.875.314.512	
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	29.465.787.423	41.297.052.966	123.999.672.906	412.406.660	-	195.174.919.955	
Số cuối năm	21.100.004.111	33.752.954.554	104.299.200.102	191.038.005	-	159.343.196.772	
<i>Trong đó:</i>							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	

Sóc Trăng, ngày 08 tháng 3 năm 2021



Signature

Võ Thị Phương Diệu
Kế toán trưởng

Signature

Võ Thị Phương Diệu
Người lập